TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VĨNH LONG **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 62/2020/HN-ST
Ngày: 07 - 9 - 2020
V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VĨNH LONG - TỈNH VĨNH LONG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Vân

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Huỳnh Thị Chi

Bà Võ Thị Mỹ Ngọc

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Ngọc Trà My - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Long tham gia phiên tòa:*** (Không tham gia)

Trong ngày 07 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 146/2020/TLST-HNGĐ ngày 01/6/2020 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Xuân L, sinh năm 1979 (vắng mặt)

Hộ khẩu thường trú: số nhà H, đường P, Phường C, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long

Nơi cư trú: số nhà B, ấp L1, xã L2, huyện L3, tỉnh Vĩnh Long

- *Bị đơn:* Ông Dương Quốc T, sinh năm 1979 (vắng mặt)

Nơi cư trú: số nhà H, đường P, phường C, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 05/5/2020 và quá trình giải quyết vụ án, bà Nguyễn Thị Xuân L trình bày:

Bà L và ông Dương Quốc T đăng ký kết hôn ngày 05/02/2002 tại Ủy ban nhân dân thị trấn T1, huyện T2, tỉnh Vĩnh Long. Cuộc sống chung phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 10/2019 đến nay. Bà L xác định tình cảm vợ chồng không còn, yêu cầu ly hôn ông T.

Con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Dương Thiên P, sinh ngày 24/10/2003. Bà L yêu cầu nuôi dưỡng con chung, yêu cầu ông T cấp dưỡng con chung mức cấp dưỡng 2.000.000đ/tháng.

Tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có.

Bà L có văn bản đề nghị Tòa án không hòa giải và xét xử vắng mặt bà L tại phiên tòa sơ thẩm.

Đối với bị đơn Dương Quốc T: Tòa án tiến hành tống đạt, niêm yết hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tòa án không nhận văn bản trình bày ý kiến của ông T gửi Tòa án. Tòa án cũng không tiến hành phiên hòa giải được do ông T vắng mặt hai lần, không có lý do.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt lần thứ hai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà L là người có quyền khởi kiện ông T tranh chấp ly hôn. Bị đơn có địa chỉ cư trú tại thành phố Vĩnh Long nên thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long. Nguyên đơn có văn bản đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Bị đơn vắng mặt lần thứ hai dù đã được triệu tập hợp lệ. Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn. Vì vậy, thủ tục tố tụng trong vụ án đảm bảo quy định tại các Điều 28, 35, 39, 186, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Mâu thuẫn vợ chồng bà L, ông T phát sinh do bất đồng quan điểm sống, dẫn đến cuộc sống chung không hạnh phúc. Bà L xác định vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 10/2019, đã suy nghĩ, cân nhắc và quyết định ly hôn ông T.

Xét thấy, tình cảm vợ chồng của bà L, ông T không còn sự quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, không còn sự tự nguyện của bà L. Tình trạng mâu thuẫn vợ chồng phát sinh nhưng hai bên không tìm ra giải pháp để hòa hợp, hàn gắn tình cảm. Vì vậy, mục đích của hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử quyết định chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L về việc ly hôn ông T.

[3] Về con chung: Bà L, ông T có 01 con chung tên Dương Thiên P, sinh ngày 24/10/2003. Bà L yêu cầu nuôi dưỡng con chung, yêu cầu ông T cấp dưỡng con chung mức cấp dưỡng 2.000.000đ/tháng.

Xét thấy, Tòa án đã có Thông báo về việc thụ lý vụ án số 146/TB-TLVA ngày 01/6/2020 đã ghi rõ nội dung khởi kiện của bà L về việc yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, yêu cầu ông T cấp dưỡng con chung mức cấp dưỡng 2.000.000đ/tháng. Ngày 12/6/2020, ông T trực tiếp ký nhận vào biên bản tống đạt Thông báo số 146/TB-TLVA, đã biết rõ yêu cầu của bà L nhưng suốt quá

trình tiến hành tố tụng, ông T không cung cấp văn bản phản đối tình tiết, sự kiện do nguyên đơn đưa ra nên đây là tình tiết, sự kiện không cần phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự. Cháu Dương Thiên P cũng trình bày ý kiến muốn sống cùng bà L. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L, buộc ông T giao bà L nuôi dưỡng con chung tên Dương Thiên P, buộc cấp dưỡng con chung mức cấp dưỡng 2.000.000đ/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

[4] Tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nợ chung: Không có. Án phí: Buộc bà L nộp 300.000đ án phí hôn nhân sơ thẩm; buộc ông T nộp 300.000đ án phí do thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng con chung.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 92, 147, 186, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84, 110, 116, 117 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Xuân L.

Bà Nguyễn Thị Xuân L và ông Dương Quốc T ly hôn với nhau.

Con chung: Buộc ông Dương Quốc T giao bà Nguyễn Thị Xuân L nuôi dưỡng 01 con chung tên Dương Thiên P, sinh ngày 24/10/2003. Buộc ông Dương Quốc T cấp dưỡng Dương Thiên P mức cấp dưỡng 2.000.000đ (hai triệu đồng)/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có.

2. Buộc bà Nguyễn Thị Xuân L nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm, khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai số No 0005391 ngày 21/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V nên bà Nguyễn Thị Xuân L không phải nộp thêm.

Buộc ông Dương Quốc T nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm do thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng con chung.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt, niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- Tòa án tỉnh: 1;
- Viện kiểm sát: 1;
- Chi cục Thi hành án: 1;
- UBND thị trấn T1, Huyện T2, tỉnh Vĩnh Long: 1;
- Đương sự: 2;
- Lưu: 5.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thu Vân